

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

TRẦN SƠN TÙNG

CẠNH TRANH MỸ - TRUNG QUỐC TẠI TIỂU VÙNG
SÔNG MÊ CÔNG (2009-2024)

Chuyên ngành: Quan hệ Quốc tế

Mã số: 9310601.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUAN HỆ QUỐC TẾ

Hà Nội - 2025

Công trình được hoàn thành tại: **Khoa Quốc tế học – Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS. TS Bùi Hồng Hạnh**

Phản biện:

.....

Phản biện:

.....

Phản biện:

.....

L luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia Hà Nội chấm luận án tiến sĩ họp tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

1. Lý do chọn đề tài

Quan hệ Mỹ – Trung trong nhiều thập kỷ qua là một trong những trục động lực chủ yếu của chính trị quốc tế, phản ánh sự đan xen giữa lợi ích chiến lược và lợi ích quốc gia, đồng thời thể hiện tính linh hoạt và thực dụng trong ứng xử của hai siêu cường. Từ đối đầu thời Chiến tranh Lạnh, sang hợp tác giai đoạn Trung Quốc cải cách mở cửa, rồi chuyển sang cạnh tranh chiến lược toàn diện những năm gần đây, mối quan hệ này phản ánh rõ sự dịch chuyển quyền lực và thích ứng với biến động địa – chính trị, kinh tế toàn cầu. Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng và phát triển công nghệ cao, cạnh tranh Mỹ – Trung đã bao trùm thương mại, đầu tư, công nghệ, ngoại giao, quốc phòng và văn hóa, định hình lại trật tự thế giới.

Hoa Kỳ, với vai trò bá quyền, củng cố liên minh và đối tác, duy trì trật tự dựa trên luật lệ, tái cấu trúc các trục liên kết an ninh – kinh tế. Ngược lại, Trung Quốc thúc đẩy tham vọng trở thành siêu cường thông qua Sáng kiến “Vành đai và Con đường”, nâng cao tự chủ công nghệ, mở rộng ảnh hưởng đa phương và phát triển đối tác chiến lược với các nước đang phát triển. Cuộc cạnh tranh này vừa là đối đầu quyền lực, vừa là xung đột giữa hai mô hình phát triển và hệ giá trị.

Tiểu vùng sông Mê Công gồm Campuchia, Lào, Myanmar, Thái Lan và Việt Nam sở hữu lợi thế tài nguyên, thủy điện, nông nghiệp, lao động trẻ và chi phí cạnh tranh, trở thành điểm đến của đầu tư và kết nối hạ tầng. Đây là không gian địa chiến lược kết nối Đông Bắc Á và Nam Á, giao thoa giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, đồng thời là điểm hội tụ các sáng kiến lớn như BRI của Trung Quốc và IPEF của Mỹ.

Giai đoạn 2009–2024 chứng kiến cạnh tranh Mỹ – Trung gia tăng rõ rệt tại Mê Công trên các lĩnh vực chính trị – ngoại giao, kinh tế – công nghệ và phát triển hạ tầng, an ninh – quản lý nguồn nước và văn hóa – xã hội. Trung Quốc có lợi thế địa lý là quốc gia đầu nguồn, song sự trỗi dậy này đã thúc đẩy Mỹ và các đối tác gia tăng hiện diện nhằm kiềm chế và cân bằng sức mạnh Bắc Kinh. Trong bối cảnh đó, các quốc gia Mê Công chủ động đa phương hóa quan hệ, cân bằng lợi ích, khai thác nguồn lực bên ngoài cho phát triển bền vững, đồng thời bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia.

Do đó, nghiên cứu cạnh tranh Mỹ – Trung tại Tiểu vùng sông Mê Công giai đoạn 2009–2024 vừa có ý nghĩa học thuật – đóng góp vào lý luận quan hệ quốc tế, vừa có giá trị thực tiễn – giúp nhận diện xu hướng chính sách, mô hình ứng xử và năng lực tự cường của các quốc gia vừa và nhỏ trong bối cảnh trật tự thế giới tái định hình. Vì vậy, tôi lựa chọn đề tài này cho luận án Tiến sĩ ngành Quan hệ quốc tế, với kỳ vọng đóng góp vào hiểu biết về xu thế quyền lực mới và vai trò chiến lược của Mê Công trong cấu trúc chính trị toàn cầu.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Cạnh tranh Mỹ – Trung tại tiểu vùng sông Mê Công hiện là một trong những mặt trận chiến lược nổi bật của trật tự thế giới đa cực, tác động sâu rộng đến chính trị, kinh tế và an ninh khu vực cũng như toàn cầu. Việc Hoa Kỳ thúc đẩy Chiến lược “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương Tự do và Rộng mở” song song với việc Trung Quốc mở rộng Sáng kiến “Vành đai và Con đường” đã đẩy mức độ đối kháng chiến lược giữa hai cường quốc lên cao, đặc biệt tại Mê Công – không gian địa –

chiến lược then chốt.

Trong nghiên cứu học thuật, chính sách đối ngoại và cạnh tranh Mỹ – Trung tại khu vực này đã được đề cập khá đa dạng, từ các bài báo khoa học, sách chuyên khảo, đề tài nghiên cứu cho đến các luận văn, luận án. Các công trình này khác biệt về phạm vi không gian, thời gian và phương pháp tiếp cận, phản ánh nhiều góc nhìn – từ phân tích sự kiện, đánh giá bản chất, ý đồ chiến lược, cho đến khảo sát tác động trong các lĩnh vực chính trị – ngoại giao, an ninh – quản lý nguồn nước, kinh tế – phát triển cơ sở hạ tầng và văn hóa – xã hội. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu mới chỉ tiếp cận từng khía cạnh riêng lẻ, chưa khái quát toàn diện nội hàm vấn đề đến hết năm 2024.

Cho đến nay, ở Việt Nam vẫn thiếu một công trình nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống về cạnh tranh giữa siêu cường số một thế giới và cường quốc đang trỗi dậy tại tiểu vùng sông Mê Công giai đoạn 2009–2024 dưới góc nhìn quan hệ quốc tế. Luận án này nhằm lấp khoảng trống đó, cung cấp phân tích toàn diện và có giá trị học thuật – thực tiễn cho giới nghiên cứu và hoạch định chính sách.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu của luận án là tập trung phân tích, làm rõ thực trạng cạnh tranh Mỹ-Trung ở tiểu vùng sông Mê Công giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2024, từ đó đưa ra các nhận xét, dự đoán các kịch bản cạnh tranh trong tương lai và khuyến nghị chính sách đối với Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để làm sáng tỏ được mục tiêu nghiên cứu trên, luận án

tập trung giải quyết các nhiệm vụ sau:

(i) Tập hợp, hệ thống cơ sở lý luận về cạnh tranh tiếp cận từ các lý thuyết và học thuyết quan hệ quốc tế.

(ii) Phân tích thực trạng cạnh tranh Mỹ – Trung tại tiểu vùng sông Mê Công từ năm 2009 đến năm 2024 trên bốn lĩnh vực là chính trị - ngoại giao, kinh tế - phát triển, an ninh – quốc phòng, và văn hóa – xã hội.

(iii) Phân tích, nhận xét thực trạng cạnh tranh Mỹ - Trung tại tiểu vùng sông Mê Công từ năm 2009 đến năm 2024, dự báo các kịch bản có thể xảy ra trong tương lai và khuyến nghị chính sách đối với Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu thực trạng cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc tại Tiểu vùng sông Mê Công trên các lĩnh vực từ năm 2009 đến năm 2024.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi không gian: Luận án tập trung nghiên cứu cạnh tranh Mỹ - Trung tại khu vực tiểu vùng sông Mê Công. Đây là vùng giao cắt ảnh hưởng trực tiếp giữa hai cường quốc Mỹ-Trung. Bên cạnh đó, đây cũng là khu vực có các cơ chế hợp tác song song và đối trọng rõ rệt và là không gian thể hiện rõ rệt nhất tác động của cạnh tranh Mỹ-Trung đối với Việt Nam.

Phạm vi thời gian: Luận án khảo sát và phân tích diễn biến cạnh tranh chiến lược Mỹ – Trung tại Tiểu vùng sông Mê Công trong giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2024.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phần phương pháp nghiên cứu của luận án “Cạnh tranh

Mỹ – Trung Quốc tại Tiểu vùng sông Mê Công (2009–2024)” dựa trên nền tảng lý luận của ba trường phái chính trong quan hệ quốc tế: chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa kiến tạo. Ngoài ra, luận án cũng đưa ra khung khái niệm cho cạnh tranh và cả hợp tác giúp nhận diện rõ bản chất cạnh tranh của hai cường quốc tại khu vực.

Về cách tiếp cận, luận án triển khai theo hai hướng: (i) cấp độ phân tích gồm cấp độ cá nhân (vai trò các lãnh đạo Mỹ và Trung Quốc) và cấp độ tổ chức (các sáng kiến, thể chế khu vực); (ii) cách tiếp cận hệ thống – cấu trúc, nhằm phân tích tác động của cạnh tranh Mỹ – Trung đến an ninh và chính sách của các nước nội khối và bên thứ ba như Nhật Bản, Hàn Quốc.

Về phương pháp nghiên cứu, luận án kết hợp linh hoạt nhiều phương pháp: (1) lịch sử, tái hiện tiến trình cạnh tranh 2009–2024 và so sánh với giai đoạn trước; (2) tổng hợp, xử lý và đối chiếu nguồn dữ liệu học thuật, chính sách, ngoại giao; (3) phân tích chính sách, nhằm làm rõ động cơ và tác động của các sáng kiến song phương – đa phương; (4) so sánh, để nêu bật khác biệt mô hình cạnh tranh Mỹ – Trung; (5) thống kê và định tính, nhằm lượng hóa dữ liệu viện trợ, đầu tư, thương mại, an ninh; và (6) mô hình hóa – dự báo, giúp xây dựng các kịch bản cạnh tranh tương lai, đánh giá rủi ro chiến lược và đề xuất đối sách cho Việt Nam.

6. Những đóng góp mới của Luận án

Luận án là công trình nghiên cứu chuyên sâu đầu tiên từ góc nhìn Việt Nam phân tích toàn diện cạnh tranh Mỹ – Trung tại Tiểu vùng sông Mê Công giai đoạn 2009–2024. Công trình làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của cạnh tranh chiến lược

trong quan hệ quốc tế, bổ sung và hoàn thiện khái niệm “cạnh tranh” giữa các cường quốc trong bối cảnh khu vực hóa và tái định hình trật tự quốc tế. Đặc biệt, luận án phát triển và vận dụng khung phân tích về “cạnh tranh” để lý giải các phương thức cạnh tranh trong các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế - công nghệ và phát triển hạ tầng, an ninh – quản lý nguồn nước và văn hóa – xã hội tại tiểu vùng.

Trên nền tảng đó, luận án hệ thống hóa các yếu tố chi phối vị thế chiến lược của tiểu vùng trong cấu trúc cạnh tranh khu vực, làm sáng tỏ tương tác giữa các chủ thể trong và ngoài khu vực, qua đó góp phần phát triển lý thuyết về vai trò địa – chính trị của tiểu vùng trong cạnh tranh nước lớn. Đồng thời, luận án cung cấp cơ sở khoa học để đánh giá hiệu quả tương đối của các công cụ cạnh tranh mà Mỹ và Trung Quốc triển khai, từ viện trợ phát triển, đầu tư hạ tầng, ngoại giao thủy lợi, công nghệ số, hợp tác an ninh, đến xây dựng thể chế khu vực.

Về thực tiễn, luận án mang đến bức tranh toàn cảnh, sâu sắc về cạnh tranh Mỹ – Trung tại tiểu vùng Mê Công, giúp nhận diện rõ cơ hội và thách thức đối với các quốc gia, đặc biệt là Việt Nam. Kết quả nghiên cứu có giá trị tham khảo trong hoạch định chính sách đối ngoại song phương và đa phương, trong khuôn khổ các cơ chế như Hợp tác Mê Công – Lan Thương, Sáng kiến Hạ nguồn Mê Công và Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương. Các kịch bản cạnh tranh Mỹ – Trung được đề xuất giúp định hình chiến lược dài hạn của Việt Nam, đồng thời là tài liệu tham khảo hữu ích cho nghiên cứu, giảng dạy về quan hệ quốc tế, chính trị thế giới.

7. Kết cấu của Luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục các công trình khoa học nghiên cứu của tác giả đã công bố có liên quan đến đề tài luận án, Danh mục tài liệu tham khảo, Luận án gồm 4 (bốn) chương. Cụ thể:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2. Cơ sở lý luận và thực tiễn về cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc tại tiểu vùng sông Mê Công (2009-2024)

Chương 3. Thực trạng và tác động của cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc tại tiểu vùng sông Mê Công (2009-2024)

Chương 4. Nhận xét, dự báo và hàm ý chính sách cho Việt Nam.

8. Kết quả nghiên cứu

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Chủ đề về cạnh tranh chiến lược Mỹ-Trung nói chung và về cạnh tranh chiến lược Mỹ- Trung tại khu vực Tiểu vùng sông Mê Công nói riêng luôn thu hút được sự quan tâm, chú ý của nhiều học giả và các nhà chính trị học không chỉ ở riêng Việt Nam mà còn trên cả thế giới. Do đó, các công trình nghiên cứu về vấn đề này rất đa dạng cả về thể loại và nội dung. Các tác giả đưa ra các cách phân tích, nhìn nhận, đánh giá dưới các góc độ khác nhau. Chương này sẽ tổng hợp, phân loại, khái quát các công trình trong và ngoài nước tiêu biểu liên quan đến chính sách đối ngoại và cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc tại tiểu vùng sông Mê Công. Trên cơ sở đó, đánh giá về giá trị của các công trình đã nghiên cứu mà luận án có thể kế thừa, và đưa những khoảng trống chưa đề cập mà luận án cần tập trung giải quyết.

Để phân tích rõ hơn các công trình nghiên cứu được chia theo các nhóm nội dung sau:

1. Nhóm các công trình nghiên cứu lý luận về cạnh tranh trong quan hệ quốc tế và cạnh tranh Mỹ-Trung Quốc

2. Nhóm các công trình nghiên cứu về chiến lược, chính sách đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc tại khu vực tiểu vùng sông Mê Công

3. Nhóm các công trình nghiên cứu về cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc ở tiểu vùng sông Mê Công.

Tuy nhiên, không hoàn toàn các công trình nghiên cứu được trình bày trong các mục này chỉ nói về nội dung đó, nên các công trình còn có giá trị tham khảo chung để tác giả có kiến thức tổng thể giúp cho việc hoàn thành luận án.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CẠNH TRANH MỸ-TRUNG TẠI TIỂU VÙNG SÔNG MÊ CÔNG (2009-2024)

Chương này xây dựng nền tảng lý luận và thực tiễn để phân tích cạnh tranh Mỹ – Trung tại tiểu vùng sông Mê Công giai đoạn 2009–2024. Về cơ sở lý luận, chương trước hết hệ thống hóa khái niệm “cạnh tranh” trong quan hệ quốc tế như một quá trình tương tác lâu dài giữa các quốc gia trong môi trường vô chính phủ, nơi các bên theo đuổi lợi ích chiến lược chồng lấn nhằm tối đa hóa quyền lực và ảnh hưởng.

Ba khung lý thuyết chính được huy động bổ sung cho nhau. (i) Chủ nghĩa hiện thực xem cạnh tranh là tất yếu trong hệ thống vô chính phủ; quốc gia tối đa hóa quyền lực và an ninh; (ii) Chủ nghĩa tự do nhấn mạnh vai trò phụ thuộc lẫn nhau, thể chế và thương mại trong kiểm chế cạnh tranh; (iii)

Chủ nghĩa kiến tạo làm rõ chiều cạnh nhận thức, bản sắc và diễn ngôn: cách Mỹ và Trung Quốc “định nghĩa” trật tự, an ninh, phát triển dẫn tới các chính sách khác biệt và có thể kiến tạo lại quan hệ qua chuẩn mực chung. Luận án khẳng định hiện thực là khung trực để giải thích động cơ cốt lõi, trong khi tự do và kiến tạo giải thích công cụ và cách thức biểu hiện cạnh tranh.

Về cơ sở thực tiễn, chương phân tích tiểu vùng sông Mê Công như không gian địa–chiến lược then chốt, giàu tài nguyên và đặc biệt là nguồn nước Mê Công là trụ cột an ninh lương thực khu vực. Vị thế này khiến tiểu vùng trở thành điểm hội tụ can dự, gia tăng ảnh hưởng của các cường quốc.

Các thách thức an ninh được nhận diện trong chương: (i) truyền thống—tranh chấp biên giới, bất ổn chính trị nội bộ, liên hệ với động thái ở Biển Đông và bố trí lực lượng; (ii) phi truyền thống—an ninh nguồn nước, an ninh mạng, tội phạm xuyên quốc gia, các hoạt động lừa đảo. Những thách thức này vừa là nguyên nhân lẫn hệ quả của can dự cường quốc.

Về quan điểm lợi ích của Mỹ và Trung Quốc đối với tiểu vùng sông Mê Công, đối với Mỹ, tiểu vùng là “mắt xích chiến lược” trong cấu trúc Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, Mỹ cũng coi đây là nơi kiểm chế ảnh hưởng Trung Quốc, đồng thời tránh đối đầu quân sự trực diện. Đối với Trung Quốc, tiểu vùng là “cửa ngõ phía Nam” tạo độ sâu chiến lược, giảm phụ thuộc Malacca, thúc đẩy phát triển Vân Nam–Quảng Tây, mở rộng thị trường và xuất khẩu năng lực dư thừa qua BRI.

Phần tiền đề trước 2009 cho thấy Bắc Kinh tạo được đòn bẩy cấu trúc đáng kể; Washington chưa có nhiều hoạt động

can dự tại khu vực.

Tổng kết, Chương 2 cung cấp khung lý thuyết đa chiều và bức tranh thực tiễn nhiều tầng, khẳng định tiểu vùng sông Mê Công là điểm giao thoa của hai trật tự khu vực. Cạnh tranh Mỹ – Trung tại đây mang tính cấu trúc, đa lĩnh vực và có kiểm soát, đây cũng là nền tảng để các chương sau phân tích biểu hiện, tác động và hàm ý chính sách cho Việt Nam.

Tiểu kết chương 2

Cạnh tranh là một nội dung lớn trong nghiên cứu quan hệ quốc tế lẫn thực tiễn chính trị. Trên phương diện lý luận, việc tiếp cận khái niệm “cạnh tranh” không chỉ dừng lại ở việc mô tả một trạng thái đối đầu giữa các chủ thể quốc tế, mà được hiểu như một quá trình động, đa tầng và có tính cấu trúc. Trong môi trường vô chính phủ, các quốc gia luôn phải hành động dựa trên sự kết hợp giữa nhu cầu an ninh, tính toán quyền lực và lợi ích chiến lược. Vì vậy, cạnh tranh không đơn thuần là biểu hiện của xung đột lợi ích, mà là cơ chế vận hành nội tại của hệ thống quốc tế, nơi các cường quốc điều chỉnh hành vi để duy trì, mở rộng hoặc xác lập vị thế của mình trong trật tự khu vực và toàn cầu. Dưới lăng kính đó, quan hệ Mỹ – Trung ở Mê Công hiện nay mang đặc trưng của một mô hình cạnh tranh phức hợp – vừa đối đầu, vừa ràng buộc, vừa hợp tác giới hạn – phản ánh sự dịch chuyển của quyền lực trong thời kỳ toàn cầu hóa và chuyển đổi địa – chính trị khu vực.

Ba trường phái lý thuyết chủ đạo – hiện thực, tự do và kiến tạo – khi được đặt trong mối tương tác bổ sung đã cung cấp nền tảng phân tích toàn diện cho khái niệm cạnh tranh. Từ logic hiện thực, có thể thấy cạnh tranh Mỹ – Trung là kết quả

tất yếu của cấu trúc quyền lực biến đổi, nơi một cường quốc đang trỗi dậy thách thức vị thế bá quyền của cường quốc hiện tại. Tuy nhiên, ở tầng thể chế và kinh tế, quan hệ này vẫn chịu sự điều tiết của mạng lưới phụ thuộc lẫn nhau và ràng buộc lợi ích mà chủ nghĩa tự do nêu bật. Trong khi đó, cách mỗi bên diễn giải trật tự, giá trị và lợi ích phản ánh sự khác biệt trong nhận thức và bản sắc, điều mà chủ nghĩa kiến tạo giúp giải thích rõ ràng hơn. Việc kết hợp ba lăng kính lý thuyết này không chỉ giúp luận án nắm bắt bản chất quyền lực của cạnh tranh, mà còn cho phép tiếp cận tính mềm dẻo, linh hoạt và biến đổi của nó trong bối cảnh khu vực đang hội tụ nhiều tầng quan hệ chồng chéo.

Cơ sở thực tiễn về vị trí địa – chiến lược, tiềm năng kinh tế, tài nguyên thiên nhiên và các vấn đề an ninh đã củng cố thêm cho luận điểm rằng tiểu vùng sông Mê Công không chỉ là không gian địa lý, mà là không gian quyền lực – nơi các lợi ích chiến lược của Mỹ và Trung Quốc giao thoa, tương tác và va chạm. Cấu trúc địa chính trị đặc biệt của Mê Công, với vai trò cầu nối giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, khiến khu vực này trở thành điểm hội tụ của cả quyền lực cứng lẫn quyền lực mềm. Những thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống – từ tranh chấp lãnh thổ, an ninh nguồn nước đến tội phạm xuyên quốc gia – vừa là nhân tố nội sinh tạo ra bất ổn, vừa là công cụ để các cường quốc can dự, định hình luật chơi và tái cấu trúc ảnh hưởng. Chính tính chất liên kết giữa an ninh, phát triển và thể chế khiến Mê Công trở thành một “phép thử thu nhỏ” cho cách thức cạnh tranh giữa hai cường quốc hàng đầu thế giới trong thế kỷ XXI. Từ đó có thể khẳng định

rằng, cạnh tranh Mỹ – Trung tại tiểu vùng sông Mê Công không phải hiện tượng ngẫu phát, mà là hệ quả tất yếu của quá trình tái định hình trật tự khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Mê Công vừa là không gian biểu hiện của sự chuyển dịch quyền lực toàn cầu, vừa là nơi hai hệ giá trị đối lập cùng tìm cách chứng minh tính ưu việt của mình. Nếu Mỹ nỗ lực duy trì trật tự tự do dựa trên luật lệ, thì Trung Quốc tìm cách khẳng định mô hình ổn định – kiểm soát dựa trên phát triển kinh tế và quyền lực nhà nước. Trong sự giằng co đó, tiểu vùng sông Mê Công trở thành điểm giao thoa của hai trật tự khu vực đang song song tồn tại và cạnh tranh.

Chương 3

THỰC TRẠNG VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CẠNH TRANH MỸ-TRUNG TẠI TIỂU VÙNG SÔNG MÊ CÔNG (2009-2024)

Giai đoạn 2009–2024 đánh dấu sự cạnh tranh chiến lược ngày càng sâu sắc giữa Mỹ và Trung Quốc tại tiểu vùng sông Mê Công, phản ánh đối đầu giữa hai mô hình phát triển và tầm nhìn trật tự khu vực – toàn cầu.

Dưới thời Obama, Mỹ khởi xướng Sáng kiến Hạ nguồn Mê Công, thúc đẩy phát triển bền vững và quản trị minh bạch. Chính quyền Trump duy trì khuôn khổ này, lồng ghép vào chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương tự do và rộng mở, xác định Trung Quốc là đối thủ cạnh tranh chiến lược. Từ thời Biden, LMI được nâng cấp thành Đối tác Mê Công – Mỹ, nhấn mạnh mục tiêu củng cố trật tự dựa trên luật lệ, tăng cường quyền lực mềm và năng lực thể chế khu vực.

Ngược lại, Trung Quốc chuyển từ hợp tác song phương sang thiết lập thể chế khu vực, coi tiểu vùng là cửa ngõ phía

Nam trong chiến lược phục hưng quốc gia. Từ năm 2013, Bắc Kinh sử dụng Sáng kiến Vành đai và Con đường và Hợp tác Lan Thương – Mê Công để mở rộng ảnh hưởng thông qua hạ tầng, tín dụng ưu đãi và kiểm soát nguồn nước, kết hợp quyền lực cứng và mềm nhằm định hình luật chơi kiểu Trung Quốc.

Cạnh tranh Mỹ – Trung thể hiện rõ trên bốn lĩnh vực chính: Về chính trị – ngoại giao: Mỹ và Trung Quốc cạnh tranh hai mô hình trật tự: Mỹ nhấn mạnh luật lệ, minh bạch, đa phương và “tính trung tâm của ASEAN”; Trung Quốc ưu tiên ổn định do nhà nước dẫn dắt và hợp tác song phương mở rộng.

Về kinh tế, công nghệ và phát triển hạ tầng: Mỹ theo đuổi trật tự kinh tế mở, tiêu chuẩn cao, bảo vệ chuỗi cung ứng và giảm lệ thuộc công nghệ Trung Quốc. Trung Quốc tìm cách “trung tâm hóa” khu vực bằng các cơ chế, vốn chính sách và cơ sở hạ tầng .

Trong lĩnh vực an ninh - quản lý nguồn nước: Trung Quốc sở hữu lợi thế thượng nguồn tạo “răn đe phi quân sự” qua điều tiết dòng chảy; song song, tăng tuần tra, huấn luyện và bảo vệ hành lang BRI. Mỹ đối trọng bằng “quyền lực dữ liệu–thể chế”: MWDI, SERVIR, diễn tập đa phương (Cobra Gold), mở rộng hợp tác quốc phòng với các nước chủ chốt.

Về văn hóa – xã hội: Mỹ mở rộng truyền thông, “tự do kỹ thuật số”; Trung Quốc phát huy Viện Khổng Tử, truyền thông nhà nước và “kỹ thuật số hóa quyền lực mềm”. Giai đoạn gần đây chuyển sang đấu trường nền tảng số và nhận thức xã hội.

Hệ quả là cấu trúc cạnh tranh phức hợp hình thành: Bắc Kinh kiểm soát hạ tầng vật chất, còn Washington chi phối dữ liệu, thể chế và chuẩn mực.

Cuộc cạnh tranh này đã tác động không chỉ các nước nội khối mà cả các đối tác ngoài khu vực. Lào và Campuchia lệ thuộc sâu vào Trung Quốc; Myanmar trở thành điểm nóng chiến lược; Thái Lan duy trì “đầu dây”; Việt Nam kiên trì chính sách độc lập, đa phương hóa, cân bằng quan hệ với cả hai cường quốc. Các đối tác ngoài khu vực như ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc cũng gia tăng hiện diện nhằm duy trì cấu trúc khu vực ổn định, mở và bao trùm.

Tổng thể, cạnh tranh Mỹ – Trung tại Mê Công là minh chứng điển hình cho sự dịch chuyển trật tự quyền lực toàn cầu. Tiểu vùng này không chỉ là không gian cạnh tranh ảnh hưởng giữa hai siêu cường mà còn là nơi các quốc gia nhỏ vừa chịu tác động, vừa đóng vai trò chủ thể kiến tạo cấu trúc khu vực.

Tiểu kết chương 3

Sự trỗi dậy của Trung Quốc trong những thập kỷ gần đây đang đe dọa trực tiếp đến vị thế bá chủ trên thế giới mà Mỹ đang nắm giữ trong suốt thời gian dài từ sau Chiến tranh lạnh. Thấy được tầm quan trọng của khu vực Tiểu vùng sông Mê Công trong việc triển khai chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, Mỹ bắt đầu gia tăng can dự và sự hiện diện của mình tại nơi đây. Động thái này được xem như nhằm kiểm chế, hạn chế sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc tại khu vực này. Trước những động thái đó của Mỹ, Trung Quốc cũng ngày càng chủ động trong các chính sách ngoại giao của mình. Do đó, khu vực Tiểu vùng sông Mê Công biến thành mặt trận cạnh tranh mới giữa hai cường quốc của thế giới. Cuộc cạnh tranh này gây ảnh hưởng trực tiếp tới các quốc gia nằm bên dòng chảy của sông Mê Công. Bên cạnh đó, cuộc cạnh tranh

giữa Mỹ và Trung Quốc cũng đã gây tác động không nhỏ tới vị thế, vai trò dẫn dắt, điều phối của ASEAN, cũng như lợi ích của các nước ngoài khu vực như Nhật Bản hay Hàn Quốc.

Xét trên khía cạnh tích cực, cuộc cạnh tranh giữa hai cường quốc này mang lại nhiều cơ hội, đặc biệt là các lợi ích về mặt kinh tế. Các nước sẽ có thêm nhiều lựa chọn để phát triển tiềm lực kinh tế nội địa. Tuy nhiên, việc cân bằng giữa các cường quốc trong cuộc cạnh tranh này, nhất là giữa Mỹ và Trung Quốc vẫn là một bài toán khó với tất cả các quốc gia trong khu vực Tiểu vùng. Trong bối cảnh nhiều thách thức này, các quốc gia cơ bản theo đuổi chiến lược “phòng bị nước đôi” nhằm thúc đẩy hợp tác an ninh, tránh phụ thuộc vào một nước hay trở thành nạn nhân giữa cuộc cạnh tranh khốc liệt này. Tuy vậy, để triển khai được chiến lược “phòng bị nước đôi” này lại không hề dễ dàng. Vai trò ngày càng quyết đoán của Trung Quốc ở Tiểu vùng sông Mê Công càng thể hiện rõ ý định chiến lược của Trung Quốc tại khu vực này. Bên cạnh đó, việc Mỹ và các nước đồng minh ngày càng chủ động hơn trong việc tăng cường sự hiện diện của mình và củng cố tầm quan trọng tại khu vực cũng đã tác động mạnh tới việc cân bằng trong chính sách đối ngoại của các quốc gia dọc dòng Mê Công. Cuộc cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc ngày càng diễn ra gay gắt và quyết liệt trên mọi mặt trận thì sẽ càng gây khó khăn tới việc hoạch định chính sách đối ứng rõ ràng của các nước có liên quan tại khu vực.

Chương 4

NHẬN XÉT, DỰ BÁO VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM

Cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ – Trung tại Tiểu vùng sông Mê Công giai đoạn 2009–2024 thể hiện hình thái cạnh tranh khác biệt với các điểm nóng như Biển Đông hay eo biển Đài Loan. Tại đây, cạnh tranh diễn ra chủ yếu ở bình diện phi quân sự, thông qua viện trợ phát triển, đầu tư hạ tầng, kiểm soát nguồn nước, công nghệ và thiết chế quản trị. Trung Quốc nổi bật với vai trò nhà tài trợ hạ tầng quy mô lớn, kiểm soát thượng nguồn và mở rộng ảnh hưởng thông qua Sáng kiến Vành đai và Con đường cùng Hợp tác Lan Thương – Mê Công. Ngược lại, Mỹ phát huy lợi thế về giá trị, thể chế và khoa học công nghệ, khởi xướng Sáng kiến Hạ nguồn Mê Công năm 2009, sau đó nâng cấp thành Đối tác Mê Công – Mỹ dưới thời Biden nhằm thúc đẩy quản trị minh bạch, phát triển bền vững và đối trọng ảnh hưởng của Bắc Kinh.

Cạnh tranh Mỹ – Trung tại tiểu vùng diễn ra không đối xứng: Bắc Kinh chiếm ưu thế vật chất, còn Washington dẫn đầu về chuẩn mực và thể chế. Các quốc gia nội khối như Việt Nam, Thái Lan phải duy trì chính sách cân bằng mềm để bảo vệ lợi ích và ổn định chiến lược. Sự tham gia của các bên thứ ba – ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc, ADB – góp phần hình thành cấu trúc đa trung tâm, giúp tiểu vùng không rơi vào thế lưỡng cực tuyệt đối, nhưng đồng thời cũng làm gia tăng tính phức hợp trong cạnh tranh quyền lực.

So với giai đoạn trước 2009, tiểu vùng đã chuyển từ hợp tác kinh tế – kỹ thuật sang cạnh tranh thể chế. Mỹ và Trung Quốc không đối đầu bằng liên minh hay ý thức hệ, mà bằng các công cụ mềm: viện trợ, học bổng, truyền thông, đầu tư hạ tầng, và dữ liệu. Đây là một dạng “cạnh tranh cấu trúc” đặc

trung của thời hậu Chiến tranh Lạnh, khi quyền lực được thể hiện qua khả năng định hình luật chơi và chuẩn mực phát triển khu vực.

Trong bối cảnh thế giới chuyển dịch sang cấu trúc “lưỡng siêu – đa cường”, cả Mỹ và Trung Quốc đều đối mặt với thách thức nội tại. Sự nổi lên của công nghệ số, biến đổi khí hậu và cạnh tranh dữ liệu khiến khu vực Mê Công trở thành phòng thí nghiệm chính sách cho hai siêu cường, báo hiệu sự hình thành của một “Chiến tranh Lạnh 2.0” mềm và phức hợp.

Bốn kịch bản cạnh tranh có thể xảy ra gồm: (1) cạnh tranh toàn diện trên mọi lĩnh vực, nguy cơ phân cực tăng cao; (2) cạnh tranh có kiểm soát; (3) giám can dự do điều chỉnh ưu tiên, tạo khoảng trống quyền lực; (4) phân hóa ảnh hưởng theo không gian địa lý.

Đối với Việt Nam, nguyên tắc chiến lược là giữ vững độc lập, tự chủ, tăng cường nội lực và đa phương hóa quan hệ. Trong cạnh tranh toàn diện, cần duy trì cân bằng mềm; trong cạnh tranh có kiểm soát, nên phát huy vai trò trung gian kiến tạo luật chơi; nếu Mỹ – Trung giảm can dự, phải đẩy mạnh hợp tác nội khối và mở rộng quan hệ với đối tác ngoài khu vực; còn khi ảnh hưởng phân hóa, Việt Nam cần làm cầu nối, quản lý chặt dự án chiến lược, tận dụng công nghệ – tài chính từ Mỹ và hợp tác phát triển với Trung Quốc.

Về song phương, với Trung Quốc, duy trì ổn định, khai thác hợp tác nhưng tránh lệ thuộc; với Mỹ, tận dụng sáng kiến phát triển bền vững, công nghệ và quản trị để tăng năng lực nội tại. Đồng thời, phát huy vai trò trung lập và chủ động hòa giải nhằm hướng tới một trật tự khu vực ổn định, minh bạch và

lấy phát triển làm trung tâm.

Tiểu kết chương 4

Giai đoạn 2009–2024 đánh dấu sự nổi lên của tiểu vùng sông Mê Công như một không gian cạnh tranh đặc biệt giữa Mỹ và Trung Quốc, nơi các sáng kiến phát triển, khung thể chế và dự án hạ tầng đan xen thành một cấu trúc cạnh tranh mang tính dài hạn và ngày càng sâu sắc. Những gì diễn ra tại Mê Công không chỉ phản ánh sự điều chỉnh chiến lược của hai cường quốc, mà còn cho thấy cách thức quyền lực quốc tế đang dịch chuyển từ đối đầu quân sự sang các công cụ kinh tế, công nghệ và thể chế. Trung Quốc củng cố ảnh hưởng thông qua kết nối hạ tầng, dòng vốn và vị thế thượng nguồn; trong khi Mỹ thúc đẩy các chuẩn mực minh bạch, năng lực thể chế và chuỗi cung ứng mở. Hai quỹ đạo quyền lực này không đối kháng trực diện, nhưng vận hành song song và phản chiếu lẫn nhau, làm cho tiểu vùng luôn đứng trước cả lợi ích lẫn rủi ro.

Từ bức tranh cạnh tranh đó, có thể dự báo được rằng cạnh tranh Mỹ – Trung trong thời gian tới nhiều khả năng sẽ tiếp tục mở rộng sang các lĩnh vực công nghệ số, an ninh dữ liệu, năng lượng tái tạo và quản trị nguồn nước. Mức độ cạnh tranh được dự báo duy trì ở trạng thái cục bộ nhưng có kiểm soát, khi cả hai bên đều có lợi ích trong việc tránh leo thang căng thẳng. Bên cạnh đó, vai trò của các đối tác như Nhật Bản, Hàn Quốc và ASEAN sẽ gia tăng, góp phần điều tiết cục diện và làm giảm tính nhị cực. Một xu hướng đáng chú ý khác là sự phân hóa ảnh hưởng theo không gian địa lý, trong đó Trung Quốc được dự báo tiếp tục duy trì ưu thế tại các khu vực thượng nguồn và dọc các hành lang lục địa Bắc–Nam, trong khi Mỹ có điều kiện củng

có ảnh hưởng tại những nền kinh tế có mức độ mở cửa cao và năng lực thể chế mạnh hơn, đặc biệt là Việt Nam.

Trong bối cảnh này, Việt Nam đứng ở vị trí vừa thách thức vừa nhiều triển vọng. Là thành viên tích cực của các cơ chế hợp tác tiểu vùng, Việt Nam có khả năng tận dụng mạng lưới liên kết kinh tế – thể chế để thúc đẩy phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng không gian chiến lược. Tuy nhiên, môi trường cạnh tranh giữa nước lớn cũng đặt ra yêu cầu cho Chính phủ Việt Nam phải bảo vệ được độc lập tự chủ, quản lý rủi ro lệ thuộc và duy trì cân bằng trong quan hệ đối ngoại. Chính vì vậy, khả năng điều phối hài hòa giữa hợp tác và đấu tranh được xem như yếu tố then chốt giúp Việt Nam giữ vững ổn định và xây dựng vị thế trong trật tự khu vực đang biến đổi.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh trật tự quốc tế đang chuyển dịch và khu vực châu Á - Thái Bình Dương ngày càng trở thành trung tâm địa chiến lược toàn cầu, tiểu vùng sông Mê Công đã nổi lên như một không gian cạnh tranh ngày càng quyết liệt giữa hai cường quốc hàng đầu thế giới là Mỹ và Trung Quốc. Từ năm 2009, khi Mỹ khởi xướng Sáng kiến Hạ nguồn Mê Công, đến năm 2024, khi Trung Quốc củng cố cơ chế Hợp tác Lan Thương – Mê Công và mở rộng ảnh hưởng của Sáng kiến Vành đai và Con đường, quan hệ cạnh tranh giữa hai cường quốc tại khu vực này đã phản ánh rõ nét sự đan xen giữa yếu tố quyền lực, lợi ích, và giá trị trong việc hình thành trật tự khu vực mới.

Trước hết, cần khẳng định rằng cạnh tranh Mỹ – Trung tại Tiểu vùng sông Mê Công không phải là một hiện tượng nhất thời, mà là kết quả tất yếu của quá trình chuyển dịch quyền lực

quốc tế trong giai đoạn hậu Chiến tranh Lạnh. Khi Trung Quốc trỗi dậy trở thành một trung tâm quyền lực toàn cầu mới, còn Mỹ tìm cách bảo vệ vị thế dẫn dắt và duy trì trật tự dựa trên luật lệ, thì khu vực Đông Nam Á với tiểu vùng sông Mê Công là trục kết nối chiến lược, trở thành không gian cạnh tranh tự nhiên. Bản chất của cạnh tranh này mang tính phi quân sự, đa tầng và phức hợp. Thay vì sử dụng vũ lực như tại Biển Đông hay Đài Loan, tại Mê Công, hai bên vận dụng các công cụ mềm như viện trợ phát triển, đầu tư hạ tầng, hợp tác thể chế, kiểm soát nguồn nước và tác động văn hóa-xã hội để mở rộng ảnh hưởng. Đây là biểu hiện điển hình của cạnh tranh mềm, trong đó sức mạnh kinh tế và quyền lực xây dựng chuẩn mực, thiết lập thể chế được huy động nhằm đạt mục tiêu chiến lược dài hạn.

Mỹ và Trung Quốc theo đuổi hai logic chiến lược khác biệt trong cạnh tranh tại Mê Công. Trung Quốc triển khai chiến lược “từ trong ra ngoài”, xuất phát từ thượng nguồn sông Lan Thương và lan tỏa ảnh hưởng xuống hạ lưu thông qua các dự án hạ tầng, năng lượng và hợp tác song phương. Cách tiếp cận này giúp Bắc Kinh củng cố quyền kiểm soát dòng chảy, bảo đảm an ninh nguồn nước, đồng thời sử dụng Mê Công như hành lang kết nối phía Nam của Sáng kiến Vành đai và Con đường, phục vụ cho chiến lược phát triển khu vực Tây Nam và mở lối ra Ấn Độ Dương. Trong khi đó, Mỹ tiếp cận theo hướng “từ ngoài vào trong”, sử dụng sức mạnh thể chế, ngoại giao đa phương và chuẩn mực quốc tế để mở rộng ảnh hưởng. Thông qua LMI (2009), MUSP (2020) và việc tích hợp Mê Công vào chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương tự do và rộng mở, Washington tìm cách củng cố trật tự khu vực dựa trên luật lệ,

thúc đẩy minh bạch và quản trị tốt, qua đó kiểm chế sự bành trướng của Trung Quốc mà không cần đối đầu trực tiếp. Hai logic này tạo ra một thể đối xứng đặc thù: Trung Quốc chiếm ưu thế về hiện diện phát triển cơ sở vật chất, trong khi Mỹ nổi bật về ảnh hưởng thể chế và giá trị. Kết quả là một dạng “cạnh tranh mềm” đa tầng, nơi hai cường quốc cùng tồn tại trong trạng thái vừa hợp tác vừa đối kháng có kiểm soát.

Trên bốn lĩnh vực trọng yếu là chính trị-ngoại giao, kinh tế-phát triển hạ tầng, an ninh-quản trị nguồn nước và văn hóa-xã hội, cạnh tranh Mỹ – Trung thể hiện rõ đặc trưng và giới hạn của mỗi bên. Trong chính trị và ngoại giao, Trung Quốc thành công hơn trong việc mở rộng mạng lưới quan hệ song phương và thiết lập LMC như một cơ chế hợp tác ưu thế, trong khi Mỹ giữ được vai trò trong các kênh đa phương và củng cố các diễn đàn khu vực mang tính thể chế. Trong kinh tế và phát triển hạ tầng, Trung Quốc vượt trội về quy mô đầu tư và tốc độ triển khai thông qua BRI, trong khi Mỹ tạo được ảnh hưởng bền vững nhờ tính minh bạch và ít ràng buộc. Trong lĩnh vực an ninh quản trị nguồn nước, Mỹ tập trung vào hợp tác phi truyền thống, đào tạo và đối thoại quốc phòng, trong khi Trung Quốc củng cố hiện diện quân sự song phương, bên cạnh đó, Mỹ nổi bật với các sáng kiến chia sẻ dữ liệu và cảnh báo môi trường, song Trung Quốc vẫn duy trì ưu thế chiến lược nhờ kiểm soát thực tế thượng nguồn. Ở lĩnh vực văn hóa – xã hội, Mỹ tiếp tục dẫn đầu với mạng lưới giáo dục, học bổng và truyền thông toàn cầu, trong khi ảnh hưởng văn hóa của Trung Quốc vẫn bị hạn chế do lo ngại về ý đồ chính trị và “bắt phụ thuộc”. Sự phân tầng này cho thấy không bên nào đạt được ưu thế tuyệt đối;

Trung Quốc mạnh về sự ảnh hưởng “hữu hình”, Mỹ mạnh về tác động “vô hình”, tạo nên một trạng thái cân bằng giữa hai mô hình quyền lực.

Cạnh tranh Mỹ – Trung tại Mê Công không diễn ra biệt lập mà gắn chặt với các không gian chiến lược khác như Biển Đông, Nam Á hay Ấn Độ Dương. Đối với Trung Quốc, việc kiểm soát thượng nguồn Mê Công là cơ sở để bảo đảm hậu phương chiến lược cho hoạt động trên Biển Đông, giúp duy trì an ninh năng lượng, lương thực và hành lang vận tải xuyên lục địa. Ngược lại, Mỹ coi việc can dự sâu vào Mê Công là công cụ để mở rộng ảnh hưởng từ biển vào đất liền, tạo thế bao vây mềm nhằm hạn chế Trung Quốc mở rộng quyền lực khu vực. Sự tương tác này hình thành một trục chiến lược cạnh tranh trên cả lục địa và hải phận, trong đó mỗi bước tiến của một bên tại Mê Công hoặc Biển Đông đều tạo phản ứng dây chuyền tại khu vực còn lại. Như vậy, cạnh tranh tại Mê Công không chỉ phản ánh mâu thuẫn song phương mà còn là một phần trong cục diện tái cấu trúc quyền lực rộng lớn hơn của khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương.

Đối với các quốc gia nội khối, cạnh tranh giữa hai cường quốc tạo ra cả cơ hội và thách thức đan xen. Một mặt, họ được hưởng lợi từ dòng vốn, công nghệ, hạ tầng và viện trợ phát triển, qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và hội nhập khu vực. Mặt khác, sự hiện diện đan xen của hai cường quốc cũng làm gia tăng nguy cơ phụ thuộc, mất cân bằng chiến lược và chia rẽ chính sách nội vùng. Lào và Campuchia gắn bó chặt chẽ với Trung Quốc, hưởng lợi từ các dự án BRI nhưng đối mặt rủi ro nợ công và phụ thuộc kinh tế; Thái Lan và Việt Nam lựa chọn

chiến lược cân bằng, hợp tác linh hoạt với cả hai bên để bảo vệ lợi ích quốc gia; trong khi Myanmar dao động mạnh tùy theo biến động chính trị trong nước. Bên cạnh đó, sự can dự ngày càng sâu của các nước Nhật Bản, Hàn Quốc... cũng khiến tiểu vùng trở thành không gian đa trung tâm chiến lược, làm giảm tính nhị phân trong cạnh tranh Mỹ – Trung và gia tăng vai trò điều tiết của các thể chế khu vực như ASEAN, MRC hay ADB.

Trên cơ sở đánh giá các yếu tố cấu trúc và động, có thể dự báo rằng trong giai đoạn tới, cục diện cạnh tranh Mỹ – Trung tại Tiểu vùng Mê Công sẽ tiếp tục duy trì nhưng theo hướng “cạnh tranh cục bộ có kiểm soát” do cả hai bên đều nhận thức được rằng xung đột trực tiếp sẽ đi ngược lại lợi ích của chính họ và gây bất ổn cho khu vực. Trong đó Trung Quốc giữ ưu thế về kinh tế và hạ tầng, còn Mỹ củng cố ảnh hưởng thể chế và thiết lập chuẩn mực, còn các nước nội khối nỗ lực đa dạng hóa đối tác để duy trì thế cân bằng chiến lược. Đây là trạng thái cân bằng mong manh nhưng phản ánh đúng bản chất “vừa hợp tác, vừa cạnh tranh” của quan hệ Mỹ – Trung trong kỷ nguyên toàn cầu hóa điều chỉnh.

Luận án đã góp phần bổ sung và phát triển cơ sở lý luận về cạnh tranh trong quan hệ quốc tế, đặc biệt qua việc xây dựng khung phân tích đa tầng kết hợp giữa chủ nghĩa hiện thực, tự do và kiến tạo. Từ đó, nghiên cứu không chỉ lý giải được động cơ, phương thức và kết quả cạnh tranh của hai cường quốc, mà còn khái quát hóa được khái niệm “cạnh tranh mềm” đa tầng như một hình thái mới của cạnh tranh quyền lực trong thời kỳ hậu đơn cực. Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu mang lại ý nghĩa định hướng quan trọng cho chính sách đối ngoại của Việt Nam

và các quốc gia Mê Công. Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng phức tạp, việc duy trì chính sách độc lập, tự chủ, đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ, đồng thời khai thác hợp lý điểm giao thoa lợi ích giữa Mỹ - Trung Quốc, là lựa chọn chiến lược đúng đắn. Việt Nam cần tận dụng lợi thế địa chính trị, vai trò trung tâm trong các cơ chế tiểu vùng như CLMV, ACMECS và MRC, để vừa bảo vệ lợi ích quốc gia, vừa thúc đẩy hợp tác phát triển bền vững. Đồng thời, việc nâng cao năng lực thể chế, khoa học – công nghệ và quản trị tài nguyên sẽ giúp Việt Nam chủ động hơn trong ứng phó với biến động từ cạnh tranh cường quốc.

Tổng thể, cạnh tranh Mỹ – Trung tại Tiểu vùng sông Mê Công là một biểu hiện điển hình của trật tự quốc tế đang chuyển đổi – nơi sức mạnh không còn được đo lường đơn thuần bằng quân sự, mà bằng khả năng định hình luật chơi, kiểm soát nguồn lực và thiết lập chuẩn mực phát triển. Mê Công không chỉ là không gian địa lý mà đã trở thành một cấu trúc chiến lược, phản ánh mối quan hệ tương tác giữa sức mạnh vật chất và quyền lực chuẩn tắc, giữa lợi ích kinh tế và giá trị chính trị, giữa hợp tác và cạnh tranh. Trong bối cảnh thế giới tiếp tục biến động, việc quản trị hiệu quả cạnh tranh tại tiểu vùng này thông qua thể chế hóa hợp tác, minh bạch hóa dữ liệu và tăng cường vai trò trung gian của các nước tầm trung sẽ quyết định liệu Mê Công trở thành “điểm nóng đối đầu” hay “không gian hợp tác cân bằng”. Đây chính là thách thức và cũng là cơ hội để các quốc gia trong khu vực, trong đó có Việt Nam, khẳng định vai trò chủ thể, góp phần định hình một tiểu vùng ổn định, hòa bình và phát triển bền vững trong cấu trúc khu vực đang tái định hình.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Tran Son Tung (2025), “The greater Mekong subregion in China’s belt and road initiative: Strategic position, role, and policy implication for Vietnam”, *International Journal of Education and Social Science Research (IJESSR)*, 8 (3), pp. 333-341, Article No. 1083, Sub Id 1693, <https://ijessr.com/view7.php?issue=3>
2. Tran Son Tung (2025), “The Impact of U.S.–China Strategic Competition in the Mekong Sub-region on Vietnam’s National Interests”, *Journal of International Relations*, 5(1), pp. 1–11, <https://doi.org/10.47604/jir.3413>
3. Trần Sơn Tùng (2025), “Tiểu vùng sông Mê Công trong Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Mỹ và hàm ý chính sách đối với Việt Nam”, *Tạp chí Quan hệ Quốc phòng* (71), tr. 21-28.